

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTV21B2** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02111** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Kỹ năng giao tiếp**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1		Hệ số 2		ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTTV0194	Lâm Ngọc Lan Anh	23/01/2006	8	7.5			9.0		8.5
2	21BTTV0195	Trương Văn Các	02/07/2006	8	8.0			9.5		8.9
3	21BTTV0196	Trương Thị Diệu Dâng	27/08/2006	6	5.5			8.5		7.4
4	21BTTV0197	Trần Thái Dương	15/05/2006	5.5	6.0			8.0		7.1
5	21BTTV0198	Trần Thị Bảo Duyên	24/04/2006	5.5	5.0			9.0		7.5
6	21BTTV0200	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	14/11/2005	7.5	7.5			6.5		6.9
7	21BTTV0201	Nguyễn Thị Kiều Hoa	02/02/2006	8	8.0			7.5		7.7
8	21BTTV0202	Nguyễn Văn Lợi	24/04/2006	5	5.5			5.0		5.1
9	21BTTV0203	Huỳnh Thị Kim Ngân	15/02/2004	8	5.5			7.5		7.0
10	21BTTV0205	Nguyễn Kim Ngân	02/06/2006	5	5.0			8.5		7.1
11	21BTTV0206	Nguyễn Thị Thuý Ngân	08/11/2006	7	7.0			9.8		8.7
12	21BTTV0207	Trương Kim Nguyên	18/12/2006	5	6.0			6.5		6.2
13	21BTTV0208	Trần Bảo Phát	08/06/2006	6	7.0			8.3		7.6
14	21BTTV0209	Đỗ Thị Tổ Quyên	15/03/2006	7	8.0			7.3		7.4
15	21BTTV0211	Nguyễn Thị Mỹ Quỳnh	21/06/2006	8	8.0			8.8		8.5
16	21BTTV0213	Thái Anh Thư	08/09/2006	5.5	5.5			7.5		6.7
17	21BTTV0214	Lê Diệp Thuý Tiên	11/10/2006	9	8.5			10.0		9.5
18	21BTTV0215	Phan Trường Tiền	15/08/2006	5.5	5.0			8.5		7.2
19	21BTTV0216	Lê Ngọc Trâm	22/12/2005	8	8.0			8.0		8.0
20	21BTTV0218	Nguyễn Thị Kim Trang	09/05/2006	7	8.0			8.5		8.2
21	21BTTV0219	Đỗ Thị Hoàng Trinh	11/10/2006	5.5	5.0			9.0		7.5
22	21BTTV0220	Dương Thị Kim Trúc	23/08/2006	5.5	5.0			9.5		7.8
23	21BTTV0221	Phạm Thị Kim Tuyền	04/02/2006	8	8.0			9.5		8.9
24	21BTTV0222	Ngô Thái Ngọc Vân	26/08/2006	0	0.0			0.0	0.0	0.0
25	21BTTV0224	Lâm Quang Vinh	08/01/2006	6.5	7.0			9.3		8.3
26	21BTTV0225	Nguyễn Thị Cẩm Vy	12/07/2006	7.5	8.0			7.5		7.6
27	21BTTV0226	Nguyễn Kim Xuyên	04/11/2006	0	0.0			0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 14 tháng 12 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Văn Ngọc